TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 19-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 25-9- 2025
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 19 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Khoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Tấn Bình;

Ông Đoàn Văn Phúc.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Diễm Trang – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 19 – Thành phố Hồ Chí Minh.

***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân dân khu vực 19 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Mai Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân dân khu vực 19 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 07/2025/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2025 về Ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2025/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị Tuyết N, sinh năm 1998; nơi cư trú: ấp Thị, xã An Phong, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp (nay là xã An Long, tỉnh Đồng Tháp); nơi tạm trú: tổ 11, ấp Bàu Bàng, xã Bàu Bàng, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt có đơn xin vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Võ Văn H, sinh năm 1994; nơi cư trú: ấp Thị, xã An Phong, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp (nay là xã An Long, tỉnh Đồng Tháp); nơi tạm trú: tổ 11, ấp Bàu Bàng, xã Bàu Bàng, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Võ Thị Tuyết N trình bày:

Về hôn nhân: Bà Võ Thị Tuyết N và ông Võ Văn H tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện tiến tới hôn nhân. Bà N và ông H có đăng ký kết hôn tại UBND xã An Phong, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo Giấy chứng nhận kết hôn số 142 ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đầu năm 2023, bà N và ông H bắt đầu xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng không có tiếng nói chung về kinh tế gia đình. Vợ chồng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau mà bản thân mỗi người tự lo cho riêng. Bà N và ông H không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà N yêu cầu được ly hôn với ông H.

Về con chung: Bà N khai vợ chồng có hai con chung Võ Ngọc Khánh Vân, sinh ngày 05 tháng 5 năm 2021 và cháu Võ Ngọc Khánh Vy, sinh ngày 20 tháng 7 năm 2023, hiện hai con chung sống với bà N. Bà yêu cầu được nuôi hai con chung, yêu cầu ông H cấp dưỡng mỗi tháng một cháu 3.000.000 đồng.

Ngày 13 tháng 8 năm 2025, nguyên đơn bà N có đơn xin rút lại một phần cấp dưỡng nuôi con, bà N không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Bà N không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tố tụng, bị đơn ông Võ Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ Nếu lần để lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do và không có ý kiến trả lời bằng văn bản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt không ghi nhận ý kiến.

Đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tính đến ngày Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, vụ án còn trong thời hạn chuẩn bị xét xử theo điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân khu vực 19 – Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Bà Võ Thị Tuyết N khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Võ Văn H nên quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp ly hôn. Bị đơn ông Võ Văn H có đăng ký tạm trú tại tổ 11, ấp Bàu Bàng, xã Bàu Bàng, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 19 – Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về tố tụng: Bị đơn ông Võ Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do là chưa thực hiện đúng quy định về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật, nguyên đơn bà N có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[1.3] Nguyên đơn có đơn xin rút lại một phần yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Tuyết N và ông Võ Văn H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Phong, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo Giấy chứng nhận kết hôn số 142 ngày 31 tháng 12 năm 2020 nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Bà N yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông H do bà N và ông H đều không quan tâm đến gia đình, chăm sóc lẫn nhau, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cải vã. Từ năm 2023, bà N và ông H không còn chung sống với nhau cho đến nay, không quan tâm đến nhau và không có biện pháp hàn gắn cuộc sống hôn nhân. Hơn nữa, quá trình tố tụng, ông H được Tòa án triệu tập hợp lệ Nều lần nhưng vắng mặt không có lý do, bỏ mặc không tham gia tố tụng, không trình bày ý kiến tại Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của bà N. Xét thấy, bà N và ông H là vợ chồng nhưng không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không sống chung với nhau là không thực hiện đúng nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình. Vợ chồng không quan tâm đến nhau và không có biện pháp hàn gắn cuộc sống hôn nhân nên yêu cầu khởi kiện của bà N xin ly hôn với ông H là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Vợ chồng bà có 02 con chung cháu Võ Ngọc Khánh Vân, sinh ngày 05 tháng 5 năm 2021 và cháu Võ Ngọc Khánh Vy, sinh ngày 20 tháng 7 năm 2023, hiện hai con chung sống với bà N. Xét bà N có công việc ổn định, có thu nhập hàng tháng đủ điều kiện nuôi con. Ông H không đến Tòa trình bày ý kiến và yêu cầu gì đối với con chung nên Hội đồng xét xử giao con chung cho bà N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Bà N không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: các đương sự không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí sơ thẩm: nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; khoản 2 Điều 244; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56 và Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Tuyết N đối với bị đơn ông Võ Văn H về việc ly hôn.

- Về quan hệ hôn nhân: cho ly hôn giữa bà Võ Thị Tuyết N và ông Võ Văn H.

- Về con chung: Giao cháu Võ Ngọc Khánh Vân, sinh ngày 05 tháng 5 năm 2021 và cháu Võ Ngọc Khánh Vy, sinh ngày 20 tháng 7 năm 2023 cho bà Võ Thị Tuyết N được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Người không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Vì quyền và lợi ích hợp pháp của con chung, Tòa án có thể thay đổi người nuôi con, giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật

- Về chia tài sản chung, nợ chung: các đương sự không tranh chấp về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án về vấn đề cấp dưỡng theo quy định tại khoản 1 Điều 218 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

3. Về án phí sơ thẩm: Bà Võ Thị Tuyết N phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn)

đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 6423 ngày 02 tháng 6 năm 2025 Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 19 – Thành phố Hồ Chí Minh).

4. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

***Nơi nhận*:**
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS Khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh;
- Người tham gia tố tụng;
- UBND xã An Phong, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án (nếu có);
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đăng Khoa